

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 16-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn V C.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ma Quốc T.

2. Ông Trần Hữu L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc A – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12-5-2023 và ngày 16-5-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 đối với:

Bị cáo: NGUYỄN QUỐC V - Sinh ngày: 02-9-1980 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Tổ dân phố CQ, thị trấn S, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1959; Con bà: Vũ Thị C - Sinh năm: 1959; Vợ: Không; Con: Nguyễn Thị Vân A – Sinh năm: 2014.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Bị cáo Nguyễn Quốc V bị xử phạt số tiền 2.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 257/QĐ-XPHC ngày 08-8-2022 của Trưởng Công an huyện S, tỉnh T. Bị cáo chưa nộp số tiền phạt vi phạm hành chính.

Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Quốc V bị xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số: 118/2019/HS-ST ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Ngày 09-02-2021, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Bị cáo Nguyễn Quốc V bị bắt ngày 06-02-2023, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T theo Quyết định tạm giam số: 39/2023/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Bị hại: Ông **Chu Văn L** – Sinh năm: 1978; Nơi ĐKKHKT: Thôn KL, xã BY, huyện S, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Thôn CQ1, xã TT, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị **Nguyễn Thị M** – Sinh năm: 1997; Nơi ĐKKHKT: Thôn YL 2, xã ĐV, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TP, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông **Ma Văn Tuấn** – Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố TB, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Anh **Kim Đình Thái** – Sinh năm: 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn YL 2, xã ĐV, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TP, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 02-12-2022 đến ngày 04-12-2022, bị cáo Nguyễn Quốc V không có việc làm ổn định đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Chu Văn L, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02-12-2022, bị cáo V một mình điều khiển xe đạp đi đến khu vực công viên thuộc Tổ dân phố Xây Dựng, thị trấn S, huyện S, tỉnh T xem có tài sản sơ hở để lấy trộm. Bị cáo V quan sát chiếc lều tạm bằng tôn màu xanh của ông Chu Văn L không có người trông coi, bên trong có nhiều đồ vật, tài sản. Bị cáo V chui xuống phía gầm, dùng tay lấy trộm 01 chiếc mô tơ điện. Đến 06 giờ 30 phút ngày 03-12-2022, bị cáo V đem chiếc mô tơ điện bán cho chị Nguyễn Thị M (làm nghề thu mua phế liệu) được 250.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04-12-2022, bị cáo V tiếp tục đi xe đạp đến khu vực lều của ông L. Quan sát không có ai trông coi, bị cáo V lấy trộm được: 01 cục đổi nguồn điện; 06 ống kim loại đường kính 05cm, dài 02m; 11 chiếc móc treo đu quay bằng kim loại đường kính 01cm, dài 02m; 02 kg ốc vít; 01 chiếc cân đồng hồ màu xanh nhãn hiệu Nhon Hoà loại 120kg rồi đem giấu tại khu vực bờ sông. Khoảng 08 giờ ngày 04-12-2022, bị cáo V mang 06 ống kim loại; 11 chiếc móc treo bằng kim loại và 02 kg ốc vít bán cho ông Ma Văn Tuấn (làm nghề thu mua phế liệu) được 170.000 đồng. Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 05-12-2022, bị cáo V tiếp tục mang 01 cục đổi nguồn điện bán cho anh Kim Đình Thái (làm nghề thu mua phế) được 600.000 đồng.

Số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp bị cáo V đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04-12-2022, ông L kiểm tra phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã trình báo CQ Công an giải quyết.

Kết luận Định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 31-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S, tỉnh T kết luận: 01

mô tơ điện của mô hình tàu lượn có giá trị là 2.500.000 đồng; 01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn có giá trị là 8.000.000 đồng; 06 ống kim loại có giá trị là 2.100.000 đồng; 15 ống kim loại có giá trị 3.000.000 đồng; 11 chiếc móc treo đu quay có giá trị 1.650.000 đồng; 01 chiếc cân đồng hồ loại có giá trị 120kg 400.000 đồng; 02 kg ốc vít có giá trị 200.000 đồng. Tổng cộng giá trị còn lại là 17.850.000 đồng.

Kết luận Giám định pháp y tâm thần số: 09/KLGD ngày 09-3-2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Nguyễn Quốc V bị bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định. Tại thời điểm xảy ra vụ việc vào ngày 02/12/2022 và ngày 04/12/2022, Nguyễn Quốc V bị bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định Nguyễn Quốc V bị bệnh tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Tại cáo trạng số: 62/CT-VKSSD ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc V. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm p, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 06-02-2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Chu Văn L số tiền 2.900.000đ được khấu trừ vào số tiền 1.000.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 1.900.000đ. Bị cáo V phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự của bị hại. Cụ thể: Không chấp nhận yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường đối với số tiền 28.000.000đ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc V có quan điểm nhất trí quan điểm truy tố và xét xử đối với bị cáo Nguyễn Quốc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Quốc V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là

người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp của Nhà nước; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bố đẻ của bị cáo là thương binh. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, điểm p, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát (từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù). Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

- Bị cáo Nguyễn Quốc V nhất trí với quan điểm của Người bào chữa. Bị cáo có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt: Bị cáo thấy mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

- Bị hại ông Chu Văn L không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa. Ông Chu Văn L có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát:

+ Ông Chu Văn L không nhất trí áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 “Người phạm tội là người khuyết tật nặng” đối với bị cáo V. Vì bị cáo V là người hoàn toàn bình thường, bị cáo đủ nhận thức để nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại.

+ Ông Chu Văn L không nhất trí với quan điểm cho rằng: Thu nhập chính của ông L là từ việc bán hàng nước và lái xe Taxi. Vì ngoài thời gian bán nước và lái xe Taxi, buổi tối và khi có chương trình, sự kiện gì được tổ chức thì gia đình ông vẫn sử dụng những tài sản bị cáo V trộm cắp để phục vụ vào việc kinh doanh khu vui chơi cho trẻ em. Ông L trình bày, do điều kiện vì dịch bệnh nên gia đình ông chỉ tạm thời nghỉ việc kinh doanh. Điều này không đồng nghĩa với việc gia đình ông không kinh doanh khu vui chơi cho trẻ em nữa vì gia đình ông đã đầu tư số tiền rất lớn vào việc mua các đồ dùng, vật dụng, tài sản phục vụ cho việc kinh doanh nên không có việc gia đình ông L bỏ không sử dụng số tài sản này. Do vậy, việc tài sản bị mất là tài sản phục vụ cho công việc kinh doanh (khu vui chơi cho trẻ em) nên việc kinh doanh không thể thực hiện được, dẫn đến mất thu nhập là thực tế. Ông L đề nghị bị cáo V bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đ là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm tranh luận:

+ Đối với quan điểm của bị cáo Nguyễn Quốc V: Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá khách quan, toàn diện hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra và phù hợp với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

+ Đối với quan điểm của ông Chu Văn L:

++ Tại Quyết định số: 3624/QĐ-UBND ngày 01-9-2021 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh T về việc “Điều chỉnh mức trợ cấp và truy lĩnh tiền chênh lệch cho các đối tượng bảo trợ xã hội và hộ chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng Nghị định số: 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (Ban hành kèm theo Danh sách đối tượng) thể hiện: Bị cáo Nguyễn Quốc V thuộc đối tượng “Người từ 16 đến dưới 60 tuổi khuyết tật dạng thần kinh, tâm thần, mức độ nặng”. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 “Người phạm tội là người khuyết tật nặng” đối với bị cáo V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

++ Từ thời điểm đầu năm 2022, gia đình ông L không sử dụng số tài sản bị mất vào việc kinh doanh khu vui chơi, mà chỉ để tại kho của nhà mình. Nguồn thu nhập chính là từ việc bán nước và lái xe Taxi nên không phát sinh việc bị mất thu nhập từ việc kinh doanh khu vui chơi. Do vậy, không có căn cứ để xem xét yêu cầu bồi thường mất thu nhập từ việc kinh doanh khu vui chơi của ông L.

Bị cáo Nguyễn Quốc V; bị hại ông Chu Văn L; Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc V là bà Nguyễn Thị N; Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Quốc V đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Quốc V khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQ điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 02-12-2022 đến ngày 04-12-2022, bị cáo Nguyễn Quốc V (là người bị khuyết tật nặng) đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Chu Văn L, tổng trị giá tài sản là 14.850.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02-12-2022, bị cáo V trộm cắp 01 chiếc mô tô điện trị giá 2.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 04-12-2022, bị cáo V tiếp tục trộm cắp: 01 cục đổi nguồn điện; 06 ống kim loại đường kính 05cm, dài 02m; 11 chiếc móc treo đu quay bằng kim loại đường kính 01cm, dài 02m; 02 kg ốc vít; 01 chiếc cân đồng hồ màu xanh nhãn hiệu Nhon Hoà loại 120kg. Tổng trị giá 12.350.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Quốc V là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở

hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.850.000đ. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Quốc V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (*bà Vũ Thị Chung là mẹ đẻ của bị cáo tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đ tại CQ Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T để chuyển cho bị hại mục đích bồi thường thiệt hại*); bị cáo là người khuyết tật nặng; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn Lào là thương binh. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, điểm p, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quốc V 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc V làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo trong trại cải tạo một thời gian để giúp bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời phòng ngừa chung tội phạm này.

Bị cáo Nguyễn Quốc V có nhiều tình tiết giảm nhẹ; xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra. HĐXX xét thấy, đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo có căn cứ và phù hợp với khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Do vậy, HĐXX chấp nhận quan điểm của Người bào chữa về phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Chu Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự số tiền 30.900.000đ, cụ thể như sau:

- Giá trị chiếc mô tô điện bị mất: 2.500.000đ.
- Giá trị chiếc cân đồng hồ màu xanh, nhãn hiệu Nhơn Hoà loại 120kg: 400.000đ.
- Giá trị chiếc cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn bị hư hỏng hoàn toàn: 8.000.000đ.

- Do các tài sản bị mất là tài sản phục vụ cho công việc kinh doanh (khu vui chơi cho trẻ em) nên việc kinh doanh không thể thực hiện được, dẫn đến mất thu nhập: 20.000.000đ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị chiếc mô tô điện và chiếc cân đồng hồ màu xanh bị mất, tổng số tiền là 2.900.000đ (chiếc mô tô điện trị giá 2.500.000đ; chiếc cân đồng hồ màu xanh trị giá: 400.000đ). HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến tài sản của ông L gây thiệt hại. Yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của ông L phù hợp giá trị thực tế của tài sản bị mất. Bị cáo cũng nhất trí với yêu cầu của bị hại. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự của bị hại ông Chu Văn L. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Chu Văn L số tiền là 2.900.000đ và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn bị hư hỏng hoàn toàn (do bị cắt đứt hết dây đồng, tháo rời các bộ phận, không thể sửa chữa, khắc phục được) số tiền là 8.000.000đ. HĐXX xét thấy, trong quá trình điều tra, CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã tiến hành tạm giữ tài sản là 01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn do anh Kim Đình Thái tự nguyện giao nộp ngày 07-12-2022. Tình trạng vật chứng khi thu giữ: Cũ, đã qua sử dụng. Sau đó, CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã tiến hành nhập kho vật chứng đối với tài sản trên theo đúng quy định của pháp luật. Kết luận Định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 31-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh T kết luận: *“01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn có giá trị là 8.000.000 đồng... Chất lượng còn lại (%): Cũ”*. Tại Biên bản xác minh ngày 15-5-2023 với Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thể hiện: *“... Căn cứ Kết luận tại Biên bản định giá tài sản phục vụ cho công tác tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện S họp ngày 30/01/2023 xác định: 01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn (tài sản mua lại năm 2018) xác định tại thời điểm định giá (30/01/2023) tài sản này vẫn còn giá trị sử dụng (vẫn sử dụng được)”*. Ngày 31-3-2023, CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại tài sản (trong đó có 01 cục đổi nguồn điện) cho ông Chu Văn L. Tài sản trả lại có chủng loại, số lượng, đặc điểm, tình trạng như thời điểm nhập kho vật chứng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 229/LNK-CQCSĐT ngày 20-12-2022 của CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T). Ông Chu Văn L đã nhận lại tài sản của mình và không có ý kiến gì. Toàn bộ quá trình điều tra, ông L cũng không có ý kiến gì đối với Kết luận định giá tài sản và số tài sản đã được nhận lại. Như vậy, không có căn cứ để xác định được cục đổi nguồn điện (tại thời điểm ông L nhận lại) đã bị hư hỏng hoàn toàn như ông L trình bày vì nếu thời điểm ông L nhận lại tài sản mà cục đổi nguồn điện đã bị cắt đứt hết dây đồng, tháo rời từng bộ phận thì sẽ không đúng với việc mô tả chủng loại, số lượng, đặc điểm, tình trạng của tài sản trong Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 31-3-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và ông Chu Văn L. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông Chu Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc V bồi thường giá trị chiếc cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn bị hư hỏng hoàn toàn: 8.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do các tài sản bị mất là tài sản phục vụ cho công việc kinh doanh (khu vui chơi cho trẻ em) nên việc kinh doanh không thể thực hiện được, dẫn đến mất thu nhập số tiền 20.000.000đ. Tại phiên tòa, ông Chu Văn L trình bày: Gia đình ông L có kinh doanh dịch vụ khu vui chơi cho trẻ em, nhưng từ khi do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên gia đình ông đã tạm dừng việc kinh doanh (trước khi tạm dừng kinh doanh, ông L kinh doanh tại khu vực Đình Hồng Thái, xã Tân Trào, huyện S, tỉnh T). Tại Biên bản xác minh ngày 15-5-2023 thể hiện: “...*Từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay, ông Chu Văn L không mở dịch vụ khu vui chơi cho trẻ em tại khu vực vườn hoa đầu cầu Sắt, thị trấn S, huyện S, tỉnh T*”. HĐXX xét thấy, thời điểm trước (từ tháng 01-2022) và khi xảy ra sự việc bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông L, ông Chu Văn L không sử dụng số tài sản bị mất để phục vụ cho việc mở dịch vụ kinh doanh khu vui chơi (không kinh doanh) nên không phát sinh L tức (khoản L thu được từ việc khai thác tài sản); không bị thiệt hại về việc mất thu nhập. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của ông Chu Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc V bồi thường thiệt hại do các tài sản bị mất là tài sản phục vụ cho công việc kinh doanh (khu vui chơi cho trẻ em) nên việc kinh doanh không thể thực hiện được, dẫn đến mất thu nhập số tiền 20.000.000đ là có căn cứ.

Từ những nhận định, phân tích, đánh giá trên:

- HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự của bị hại. Cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường cho bị hại ông Chu Văn L số tiền 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng). Ngày 12-5-2023, bà Vũ Thị Chung là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Quốc V đã nộp số tiền 1.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T. HĐXX xét thấy, bị cáo Nguyễn Quốc V tác động đến gia đình nộp số tiền 1.000.000đ nói trên để chuyển cho bị hại với mục đích bồi thường thiệt hại một phần cho phía bị hại. Việc nộp số tiền nói trên là bị cáo và bà Chung tự nguyện, không bị ép buộc, có mục đích rõ ràng. Do vậy, cần ghi nhận số tiền 1.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Chuyển số tiền 1.000.000đ do gia đình bị cáo Nguyễn Quốc V nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0001085 ngày 12-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T cho bị hại ông Chu Văn L để bồi thường thiệt hại. Số tiền 1.000.000đ này được khấu trừ vào số tiền 2.900.000đ bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Bị cáo Nguyễn Quốc V còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.900.000đ và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Người nhận tiền: Ông Chu Văn L – Sinh năm: 1978; Nơi ĐKKHKT: Thôn KL, xã BY, huyện S, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Thôn CQ1, xã TT, huyện S, tỉnh T.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường phần trách nhiệm dân sự của bị hại đối với bị cáo Nguyễn Quốc V. Cụ thể: Không chấp nhận yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường đối với số tiền 28.000.000đ.

Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T thu giữ 01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn; 06 ống kim loại đường kính 05cm, dài 02m của mô hình đu quay; 11 chiếc móc treo đu quay bằng kim loại đường kính 01cm, dài 02m; 02 kg ốc vít (Đã qua sử dụng). Quá trình điều tra, xác định được ông Chu Văn L là chủ sở hữu hợp pháp của những tài sản nói trên. Ngày 31-3-2023, CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại toàn bộ tài sản nói trên cho ông Chu Văn L. Ông L đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình và không có đề nghị gì thêm đối với 06 ống kim loại đường kính 05cm, dài 02m của mô hình đu quay; 11 chiếc móc treo đu quay bằng kim loại đường kính 01cm, dài 02m; 02 kg ốc vít (Đã qua sử dụng) nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn, ông L trình bày thời điểm ông L nhận lại tài sản mà cục đổi nguồn điện đã bị cắt đứt hết dây đồng, tháo rời từng bộ phận; hư hỏng hoàn toàn. Từ những nhận định tại mục **[6]** phần **“NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN”** tại Bản án này, đã xác định rõ: Toàn bộ quá trình điều tra, ông L cũng không có ý kiến gì đối với số tài sản đã được nhận lại; không có căn cứ xác định tình trạng vật chứng khi ông L nhận lại bị hư hỏng hoàn toàn. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chiếc mô tơ điện, chị M đã bán chiếc mô tơ điện theo xe phế liệu; 01 chiếc cân đồng hồ màu xanh, nhãn hiệu Nhơn Hoà loại 120kg; bị cáo V cất giấu tại khu vực bờ sông Phó Đáy, thị trấn S, huyện S, tỉnh T. CQ Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã tiến hành các biện pháp điều tra hiện không xác định được nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Quốc V là người khuyết tật nặng. Do vậy, HĐXX miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với bị cáo Nguyễn Quốc V là có căn cứ.

- Ông Chu Văn L yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và bị HĐXX không chấp nhận một phần yêu cầu (HĐXX không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cục đổi nguồn điện của mô hình tàu lượn bị hư hỏng hoàn toàn số tiền là 8.000.000đ; yêu cầu bồi thường thiệt hại do các tài sản bị mất là tài sản phục vụ cho công việc kinh doanh (khu vui chơi cho trẻ em) nên việc kinh doanh không thể thực hiện được, dẫn đến mất thu nhập số tiền 20.000.000đ). Do vậy, ông Chu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Buộc ông Chu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền: 28.000.000đ x 5% = 1.400.000đ.

Theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy CQ điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của CQ tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của CQ tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối với 15 (mười lăm) ông kim loại đường kính 3cm dài khoảng 03m của mô hình đu quay (trị giá 3.000.000 đồng), ông L đã kiểm tra thấy tài sản để tại kho của gia đình nên không yêu cầu, đề nghị gì.

- Đối với ông Ma Văn Tuấn, anh Kim Đình Thái, anh Nguyễn Thị M không biết tài sản do bị cáo V trộm cắp mà có, không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm p, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 357; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 06-02-2023.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận số tiền 1.000.000đ gia đình bị cáo Nguyễn Quốc V đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Chuyển số tiền 1.000.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0001085 ngày 12-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T cho ông Chu Văn L để bồi thường thiệt hại.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường cho bị hại ông Chu Văn L số tiền 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 1.000.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0001085 ngày 12-5-2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T (bị cáo Nguyễn Quốc V còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.900.000đ).

Người nhận tiền: Ông Chu Văn L – Sinh năm: 1978; Nơi ĐKKHKT: Thôn KL, xã BY, huyện S, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Thôn CQ1, xã TT, huyện S, tỉnh T.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bị cáo Nguyễn Quốc V.

Buộc ông Chu Văn L phải chịu 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16-5-2023).

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn V C